

Bản án số: 37/2021/HS-ST

Ngày 24 - 3 - 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Hoàng Tân Việt

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Lý Thị Dung

Bà Đinh Thị Lưu

**- Thư ký phiên tòa:** bà Lê Khánh Hòa - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:** bà Đinh Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 40/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo: Nguyễn Duy N, sinh ngày 19 tháng 4 năm 1996 tại Vĩnh Lộc - Thanh Hóa; nơi cư trú: xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: không xác định được; con bà: Nguyễn Thị Hương; có vợ là Đặng Thị Hồng Dung, bị cáo có 01 con sinh năm 2014; tiền án: Ngày 10/01/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La xử phạt 07 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; tiền sự: không; nhân thân: bị cáo học hết lớp 6 thì nghỉ học, sống phụ thuộc vào gia đình; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12 tháng 01 năm 2021 đến nay; “có mặt”.

**- Bị hại:** Anh Sòng A U, sinh năm 1984, nơi cư trú: bản Suối Cáy, xã Suối Bau, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; “có mặt”.

**- Người làm chứng:** bà Phạm Thị Mây, sinh năm 1962, nơi cư trú: bản Tân Ba, xã Gia Phù, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, “có mặt”.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 11/01/2021, bị cáo Nguyễn Duy N đi bộ đến khu nhà

trợ của học sinh, địa chỉ tại bản Nà Mạc, xã Gia Phù, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Trong thời gian ăn cơm cùng một số người tại phòng trọ của anh Lò Văn Hải ở trong khu nhà trọ. Bị cáo Nam nhìn thấy một chiếc xe mô tô nhãn hiệu LIFAN, BKS 26F6-8160 của anh Sông A Ư dựng ở trước cửa phòng trọ cạnh phòng của anh Lò Văn Hải, chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa. Quan sát xung quanh thấy không có người, bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô. Bị cáo liền dắt chiếc xe ra ngoài rồi mở xe, nổ máy rồi nhanh chóng điều khiển xe rời khỏi hiện trường. Sau khi chiếm đoạt được chiếc xe mô tô của anh Sông A Ư, đến ngày 12/01/2021, bị cáo Nam điều khiển chiếc xe mô tô đi hướng huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La. Khi đi đến khu vực đèo Nhọt thuộc địa phận bản Nhọt, xã Gia Phù thì bị Công an phát hiện bắt giữ.

Ngày 12/01/2021, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La yêu cầu định giá tài sản. Tại bản kết luận định giá tài sản số 04/KL-ĐGTS ngày 12/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản- UBND huyện Phù Yên kết luận (Bút lục số 50): Chiếc xe mô tô nhãn hiệu LIFAN màu nâu, BKS 26F6 - 8160 trị giá: 2.500.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo, Bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Với những tình tiết như trên, tại Cáo trạng số: 18/CT – VKS - PY ngày 26/02/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La đã truy tố Nguyễn Duy N về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nam khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố. Hành vi của bị cáo Nguyễn Duy N đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy N từ 12 tháng đến 15 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS. Chấp nhận cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Sông A Ư 01 xe mô tô. Buộc bị cáo Nam phải bồi thường cho anh Sông A Ư khoản tiền 2.070.000 đồng.

Trong phần đối đáp, bị cáo Nam nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên. Bị hại trình bày ý kiến, đề nghị hội đồng xét xử áp dụng hình phạt theo đúng quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự, Tại phiên tòa, Bị hại và Bị cáo tự nguyện thỏa thuận bồi thường tiền sửa chữa xe mô tô do bị cáo làm hỏng là 2.070.000 đồng.

Kết thúc tranh luận, bị cáo trình bày lời nói sau cùng, bị cáo Nam đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phù Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nam khai nhận đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu tài sản, lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô của anh Sòng A U. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại cũng như của những người làm chứng; phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thu giữ vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Căn cứ kết luận định giá tài sản, chiếc xe mô tô nhãn hiệu LIFAN của anh Sòng A U có trị giá 2.500.000. Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự thì “ *Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”. Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Duy N đã cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; nhân thân người phạm tội và về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng, gây nguy hại cho xã hội không lớn. Tuy nhiên, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân, ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo nhận thức được việc xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác là trái pháp luật. Tuy nhiên, do hám lợi trước mắt, bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật, cố ý phạm tội.

[3.2] Về nhân thân, Bị cáo có nhân thân xấu, có một tiền án về tội Trộm cắp tài sản. Bản thân không có nơi cư trú ổn định; trình độ học vấn thấp, học hết lớp 6 thì nghỉ học, làm nghề lao động tự do.

[3.3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo. Hội đồng xét xử cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Bị cáo là người đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cô ý, thuộc trường hợp tái phạm quy định tại khoản 1 Điều 53 của Bộ luật hình sự. Do đó, cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[4] Từ việc phân tích, đánh giá những căn cứ quyết định hình phạt ở trên, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo, với mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân tốt, có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”, do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là người lao động tự do, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn (Bút lục số 156). Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng, cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho anh Sông A U là chủ sở hữu hợp pháp. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS, quyết định xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra là có căn cứ, đúng pháp luật, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Xét thỏa thuận bồi thường giữa Bị hại và Bị cáo là tự nguyện, có căn cứ và đúng pháp luật. Hội đồng xét xử cần ghi nhận. Buộc bị cáo Nguyễn Duy N phải bồi thường cho anh Sông A U khoản tiền sửa chữa xe mô tô là 2.070.000 đồng.

[7] Về biện pháp ngăn chặn, do đến ngày xét xử, thời hạn tạm giam đối với bị cáo Nam đã hết nên Hội đồng xét xử cần tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo việc thi hành án.

[8] Về án phí, bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự;*

*Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;*

*Căn cứ các Điều 584, 585, 586, và Điều 589 của Bộ luật dân sự.*

*Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 3 Điều 21, điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.*

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Duy N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt Nguyễn Duy N 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/01/2021 (ngày bị cáo bị bắt tạm giam).

2. Về vật chứng: Chấp nhận cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Sông A U 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu LIFAN màu nâu, BKS 26F6 - 8160.

3. Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại về tài sản giữa Bị cáo và Bị hại. Buộc bị cáo Nguyễn Duy N phải bồi

thường cho anh Sông A Ư khoản tiền sửa chữa xe mô tô là 2.070.000 đồng (hai triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Duy N phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24/3/2021).

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).*

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Bị hại (nếu có);
- VKSND huyện Phù Yên;
- Người bào chữa (nếu có);
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Cơ quan điều tra- CA huyện ;
- CQ Thi hành án hình sự;
- Trại TG (nhà tạm giam);
- Sở tư pháp tỉnh;
- Người có QL,NVLQ (nếu có);
- Chi cục THADS huyện (ấn có hiệu lực);
- Lưu: HS.

} Giao

} Gửi

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Tân Việt**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**















